

Số: 899 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh của Doanh nghiệp tư nhân Phước Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 889/STNMT-PBVM ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của Doanh nghiệp tư nhân Phước Long;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 02/CV-PL ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Doanh nghiệp tư nhân Phước Long;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 2287.../TTr-STNMT ngày 19 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của Doanh nghiệp tư nhân Phước Long (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: 

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bình;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN KHAI
THÁC MỎ KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI
ẤP THẠNH LỢI, XÃ THẠNH BÌNH, HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH
CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯỚC LONG**

(Kèm theo Quyết định số 899 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (sạn sỏi laterit, đất san lấp).

- Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Phước Long.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 4,477 ha, có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 105° 30' múi chiếu 3°		Điểm góc	Tọa độ VN2000 KT 105° 30' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1279 263	559 839	16	1279 025	560 052
2	1279 286	559 897	17	1278 994	560 082
3	1279 267	559 897	18	1278 598	560 375
4	1279 257	559 896	19	1278 596	560 372
5	1279 236	559 901	20	1278 581	560 354
6	1279 216	559 911	21	1278 560	560 337
7	1279 204	559 930	22	1278 623	560 288
8	1279 197	559 947	23	1278 806	560 176
9	1279 206	559 982	24	1278 922	560 103
10	1279 226	559 997	25	1278 928	560 096
11	1279 155	560 010	26	1278 943	560 084
12	1279 140	560 010	27	1278 934	560 068
13	1279 044	560 045	28	1278 941	560 062
14	1279 042	560 046	29	1278 933	560 046
15	1279 029	560 055			
Diện tích: 4,477 (ha)					

- Mục tiêu: Khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (sạn sỏi laterit, đất san lấp).

- Quy mô công suất khai thác: Theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 645/GP-UBND ngày 15/3/2023; Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty trong trong “báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (sạn sỏi laterit, đất san lấp) tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh”, với diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 4,477 ha, công nhận trữ lượng khoáng sản vật liệu xây dựng đã tính trong báo cáo:

+ Tổng trữ lượng địa chất cấp 122 toàn mỏ tính đến cote +11,0 m là: 312.760 m³ (nguyên khối);

+ Tổng trữ lượng huy động vào khai thác cho toàn mỏ là 202.947 m³ (nguyên khối), tương ứng 230.548 m³ (nguyên khai). Trong đó: trữ lượng sạn sỏi laterit là 111.373 m³ (nguyên khối, tương ứng 126.520 m³ (nguyên khai); trữ lượng đất san lấp (cát bột sét) là 91.574 m³ (nguyên khối), tương ứng 104.028 m³ (nguyên khai).

+ Tổng trữ lượng chừa bờ bao và trụ bảo vệ bờ moong là 109.813 m³.

+ Hệ số nở rời (quy đổi nguyên khối sang nguyên khai) 1,136.

+ Mức sâu khối trữ lượng 7,0 m, tương ứng cote kết thúc là cote +11,0 m.

Công ty phân khai kế hoạch khai thác như sau:

Năm	Khối lượng nguyên khối (m ³)			Khối lượng nguyên khai (m ³) <i>Hệ số nở rời là 1,136</i>		
	Đất san lấp	Sỏi phún	Tổng	Đất san lấp	Sỏi phún	Tổng
I	Giai đoạn xây dựng cơ bản: 0,08 năm (01 tháng)					
	-	-	0	-	-	0
II	Giai đoạn khai thác: 4,92 năm (59 tháng)					
Năm 1	18.320	22.280	40.600	20.812	25.310	46.122
Năm 2	18.320	22.280	40.600	20.812	25.310	46.122
Năm 3	18.320	22.280	40.600	20.812	25.310	46.122
Năm 4	18.320	22.280	40.600	20.812	25.310	46.122
Năm 5	18.294	22.253	40.547	20.780	25.280	46.060
Tổng	91.574	111.373	202.947	104.028	126.520	230.548

Công nghệ khai thác của Dự án: Áp dụng công nghệ khai thác mỏ lộ thiên, gồm: Xúc bốc, phân loại tầng sản phẩm tại gương khai thác bằng máy xúc loại → Vận chuyển sản phẩm bằng ô tô → tiêu thụ.

- Trình tự khai thác: Tiến hành khai thác theo hình thức chia khoảnh, khai thác theo tuyến xúc, dọc theo chiều rộng biên giới mỏ.

- Độ sâu khai thác: cote +11m tương đương độ sâu trung bình 7,0 m từ mặt địa hình nguyên thủy.

- Số tầng khai thác: 4 tầng (h1, h2, h3, h4). Chiều cao tầng kết thúc: $h1 = h2 = 1,5m$ và $h3 = h4 = 2m$.

1.3. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính của Dự án: khai trường.
- Hạng mục công trình phụ trợ: nhà điều hành tạm, hệ thống đường vận chuyển nội mỏ, hệ thống cung cấp điện và thông tin liên lạc, trạm cân, camera giám sát.
- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: kho chứa chất thải nguy hại, khu bố trí thùng đựng rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh di động, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường (hàng rào, biển báo, đắp bờ ngăn nước mặt, cây xanh,...)

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp bờ ngăn nước mặt xung quanh khai trường; trồng cây xanh, lắp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; lắp đặt trạm cân, lắp camera; thi công hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển. Thời gian thực hiện 01 tháng.

- Trong giai đoạn khai thác: hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình khai thác: đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng dặm cây xanh; cải tạo hệ thống thoát nước; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển. Thời gian thực hiện 59 tháng.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: san gạt đáy moong; đặt công thoát nước, tháo dỡ các công trình, làm sạch mặt bằng khu vực lán trại; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường, lập thủ tục hồ sơ để thực hiện công tác đóng cửa mỏ theo đúng quy định. Thời gian thực hiện 06 tháng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng cơ bản, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác: công nhân làm việc tại mỏ không tập trung sinh hoạt tại khu mỏ chỉ đến làm việc khi có yêu cầu, chủ yếu là người địa phương ra về sau mỗi buổi làm việc nên không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nước trong moong khai thác phát sinh chủ yếu vào mùa mưa gồm nước mưa chảy tràn trên mặt đất, nước mưa rơi trực tiếp xuống moong, nước dưới đất.

3.1.2. Khí thải

Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp bờ ngăn nước mặt xung quanh khai trường; trồng cây xanh, lấp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân công tại khu mỏ bao gồm bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa, ...

- Chất thải rắn thông thường từ quá trình phát quang thu dọn mặt bằng, khối lượng sinh khối thực vật, chất thải rắn từ quá trình xây dựng nhà điều hành, kho chứa chất thải, tháo dỡ các công trình làm sạch mặt bằng; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường,

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại thải, dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải, bao bì cứng thải

3.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác

Phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp bờ ngăn nước mặt xung quanh khai trường; lấp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; hoạt động máy móc thiết bị; đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng dặm cây xanh; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: như trên đã nêu do tính chất đặc thù của Dự án công nhân không tập trung sinh hoạt tại khu mỏ chỉ đến làm việc khi có yêu cầu sử dụng xe cuốc đào, vận chuyển vật liệu xây dựng đến nơi tiêu thụ nên không phát sinh nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, để đảm bảo thu gom triệt để chất thải sinh hoạt Dự án đầu tư 1 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu vực nhà điều hành tạm, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước trong moong khai thác phát sinh chủ yếu vào mùa mưa: trên mặt tầng khai thác bố trí rãnh thu gom đặt ở chân tầng khai thác, mặt tầng khai thác được thiết kế với độ dốc vào phía trong để tạo độ thoát nước tự chảy trên mặt tầng về phía rãnh thu gom. Toàn bộ nước thu gom từ khai trường chảy về hố lắng thu nước dưới đáy moong. Nước sau khi xử lý lắng, phần nước trong được bơm cưỡng bức ra mương thoát nước tại khu vực bằng 01 máy bơm có công suất bơm 150 m³/h. Nguồn tiếp nhận là suối tự nhiên.

- Thường xuyên khơi thông nạo vét mương thoát nước, không để xảy ra tình trạng ứ đọng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tránh để xảy ra ngập úng

cục bộ khu vực Dự án. Tái sử dụng lượng nước tại hồ thu nước để tưới đường giảm bụi, tưới cây.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý bụi:

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện cơ giới

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. Trong hoạt động xúc bốc, Công ty quy định các xe chở đúng tải trọng, tránh trường hợp chở quá tải trọng làm rơi vãi đất thải và phát sinh bụi.

- Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường nội mỏ phải tuân thủ tốc độ: 15-30 km/h.

- Hệ thống cây xanh phòng hộ môi trường: Công tác trồng cây keo lá tràm, cây dầu (trồng 3 hàng cây xen kẽ) xung quanh ranh mỏ để ngăn ngừa người và gia súc tiếp cận moong, đồng thời đảm bảo ổn định cho phần sườn taluy khai thác.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải tại khu vực mỏ

- Tưới nước thường xuyên bằng xe phun nước với bồn chứa có thể tích 5m³ trên đường vận chuyển nội mỏ.

- Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường và đường trong khu vực trước khi ra tuyến đường chính tuân thủ tốc độ: 15-30 km/h.

c) Trên tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ

- Tưới nước giảm bụi dọc tuyến đường vận chuyển: Công ty thực hiện tưới nước giảm bụi trên đường vận chuyển từ mỏ ra đường nhựa dài 2.500 m vào ngày nắng nhằm giảm bụi phát tán ra môi trường xung quanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường dọc tuyến đường, ảnh hưởng đến người dân sinh sống trên tuyến đường này. Tần suất tưới ngày 2-4 lần, thời gian tưới nước là 8h sáng đến 11h sáng và từ 13h đến 17h chiều

- Duy tu, sửa chữa mặt đường đất sỏi trong khu vực trước khi ra tuyến đường chính bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển của mỏ.

- Tất cả các xe chở đất san lấp đi tiêu thụ phải có bạt che, phủ kín.

d) Trong giai đoạn kết thúc khai thác: Thu dọn công trường thường xuyên vào cuối mỗi ngày làm việc; Tiến hành tháo dỡ các công trình phụ trợ nhanh gọn; Công nhân khi thực hiện tháo dỡ phải mang khẩu trang, nón bảo hộ, bao tay.

Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác sinh hoạt có nắp đậy bố trí tại công ra vào mỏ, khu văn phòng để thu gom rác thải sinh hoạt; Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải rắn thông thường: bố trí nhân viên thường xuyên thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định. Chất thải rắn thông thường sau khi được thu gom, phân loại: sắt thép hư hỏng, xà bần, ... được thu gom bán phế liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

Tổ chức thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; thu gom, phân loại, xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 01 kho chứa (diện tích 4m²) để lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: bố trí vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Tổ chức thực hiện thu gom, phân loại, giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác tại Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Chủ Dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: kiểm tra, thẩm định máy đào, xúc, các xe vận chuyển đảm bảo đúng thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định; định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác:

+ Xây dựng nhà điều hành tạm diện tích 120 m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4m².

+ Trang bị 03 thùng rác sinh hoạt 120 lít có nắp đậy phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn xử lý theo quy định.

+ Lắp dựng cột mốc ranh mỏ: Số lượng cột mốc là 29 cột tương ứng với 29 điểm mốc được ghi trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số 645/GP-UBND ngày 15/3/2023.

+ Lắp đặt hàng rào kẽm gai: Hàng rào kẽm gai cao 2,2 m, ô lưới kẽm gai được rào có kích thước là 0,3 m x 0,2 m, theo chiều thẳng đứng có 9 hàng kẽm gai. Khối lượng thực hiện: Chiều dài: 1.885 m; số lượng trụ bê tông: 628 trụ; khối lượng lưới rào kẽm gai: 2.167,7 kg.

+ Lắp đặt biển báo: hình chữ nhật 30x50cm cảnh báo nguy hiểm xung quanh khu vực mỏ, ghi rõ độ sâu và cảnh báo nguy hiểm. Số biển báo lắp đặt xung quanh khu mỏ là 38 cái.

+ Đắp bờ ngăn nước mặt quanh moong khai thác: đắp bờ ngăn nước mặt quanh khu vực khai thác để ngăn nước mặt chảy vào mỏ ảnh hưởng đến quá trình khai thác.

+ Trồng cây xung quanh moong khai thác: trồng trên diện tích chừa bờ bao 3m với 03 hàng cây gồm keo lá tràm xen kẽ cây dầu. Số lượng cây trồng là 1.885 cây keo và 754 cây dầu.

+ Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin của Dự án: Lắp đặt 1 bảng tóm tắt thông báo về Dự án khai thác đặt trước vị trí ra vào khu khai thác. Bảng thông báo kích thước 1,0 mx1,2 m. Trên bảng có các thông tin gồm: đơn vị khai thác, giấy phép khai thác, trữ lượng khai thác, độ sâu khai thác, thời gian khai thác, các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sẽ thực hiện.

- Giai đoạn khai thác:

+ Thực hiện duy tu biển báo nguy hiểm và hàng rào kẽm gai: Khối lượng duy tu bằng 10% khối lượng biển báo nguy hiểm và hàng rào kẽm gai đã thực hiện.

+ Trồng dặm số cây chết: Thực hiện kiểm tra và trồng dặm ngay ở những vị trí có cây con chết. Tỷ lệ trồng dặm số cây chết là 20% tổng số cây trồng ban đầu.

+ Củng cố, sửa chữa bờ moong bị sạt lở: từ khi bắt đầu đến khi kết thúc khai thác phải đảm bảo các thông số bờ mỏ đúng theo báo cáo kinh kế kỹ thuật của Dự án: Góc nghiêng sườn tầng kết thúc là 60°. Công ty phải thường xuyên kiểm tra góc nghiêng bờ dừng. Những nơi bị sạt lở, Công ty phải đắp bổ sung đất vào và gọt vổ mái taluy đảm bảo an toàn. Bờ mỏ theo thiết kế khi kết thúc khai thác.

+ Cải tạo duy tu tuyến đường đất sỏi dẫn vào khu mỏ: Trong quá trình khai thác, Công ty sẽ thực hiện duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi bị hư hỏng do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

+ Thường xuyên duy trì 01 máy bơm (150 m³/h) để tránh ngập úng moong khai thác trong quá trình khai thác vào mùa mưa.

- + Thực hiện khai thác theo đúng độ sâu được cấp phép.
- + Chừa đai an toàn theo đúng thiết kế được duyệt.
- + Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khai thác khoáng sản định kỳ: Thực hiện đúng theo Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.
- + Nạo vét hồ thu, mương thoát nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét chủ yếu là đất, đá được vận chuyển về đắp gia cố bờ ngăn nước mặt.
- + Thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Giai đoạn kết thúc khai thác:
 - + Chăm sóc và trồng dặm cây xanh.
 - + Tháo dỡ công trình nhà điều hành tạm diện tích 120m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4 m².
 - + Đo vẽ địa hình hiện trạng mỏ sau khi kết thúc khai thác: đo vẽ lại địa hình hiện trạng sau khi mỏ kết thúc khai thác. Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m.
 - + Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ.
 - + Cải tạo bờ moong sau khi kết thúc: sau khi kết thúc khai thác, bờ moong phải đảm bảo các thông số bờ mỏ đúng theo Báo cáo kinh kế kỹ thuật của Dự án.
 - + Lắp đặt cống thoát nước: 2 ống cống bê tông tại vị trí gần điểm mốc số 10, tọa độ: X = 559998; Y = 1279215 với chiều dài mỗi cống là 4m, đường kính = 600 mm, dày 8 cm; cao độ lắp đặt cống căn cứ vào mực nước tại các hồ chứa nước trong khu vực và suối tự nhiên nằm phía đông của khai trường. Lắp đặt ống cống theo yêu cầu kỹ thuật.
 - + Giám sát môi trường: sau khi kết thúc khai thác, Công ty tiến hành đo đạc, lấy mẫu giám sát hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực Dự án.
 - + Tổ chức giám định hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường: sau khi hoàn thành các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra, Công ty phối hợp với các đơn vị có chức năng giám định hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện làm cơ sở để cơ quan có chức năng kiểm tra, xác nhận hoàn tất các công tác phục hồi môi trường.

Tổng hợp khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
A	CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG KHU VỰC KHAI THÁC			
I	GIAI ĐOẠN 1			
1	Lắp đặt mốc ranh mỏ	29	cột mốc	
2	Lắp đặt hàng rào bảo vệ mỏ			

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
2.1	Chiều dài lắp đặt lưới rào	1.885	m	Trước khi tiến hành khai thác: Thời gian thực hiện 1 tháng
2.2	Số lượng trụ bê tông	628	trụ bê tông	
2.3	Dây kẽm gai	2.167,7	kg	
3	Lắp đặt biển báo quanh ranh mỏ	38	Biển báo	
4	Đổ móng trụ rào kẽm gai	52,08	m ³	
5	Đắp bờ ngăn nước mặt	2.827,5	m ³	
6	Trồng cây keo xung quanh ranh mỏ			
	<i>Cây keo lá tràm</i>	1.885	<i>cây</i>	
	<i>Cây dầu</i>	754	<i>cây</i>	
7	Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin	1	Bảng	
II	GIAI ĐOẠN 2			
1	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	10% x Tổng khối lượng lắp dựng hàng rào và biển báo		Trong thời gian khai thác
2	Củng cố bờ moong mỏ	377	m ³	
3	Trồng dặm số cây chết			
	<i>Cây keo lá tràm</i>	377	<i>cây</i>	
	<i>Cây dầu</i>	151	<i>cây</i>	
4	Đo vẽ địa hình hiện trạng mỏ trong quá trình khai thác, 1 lần/năm	4,477	ha	
III	GIAI ĐOẠN 3			
1	Lắp đặt hệ thống thoát nước	2	Công	Sau khi kết thúc khai thác
2	Đo vẽ địa hình kết thúc khai thác	4,477	ha	
3	Thực hiện chương trình giám sát môi trường	1	Lần	
B	KHU VỰC SÂN CÔNG NGHIỆP, KHU VĂN PHÒNG VÀ KHU PHỤ TRỢ			
	GIAI ĐOẠN 3			
1	Tháo dỡ nhà điều hành	124	m ²	Sau khi kết thúc khai thác
2	Vận chuyển công trình ra khỏi mỏ	2	ca	

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
C	KHU VỰC XUNG QUANH KHÔNG THUỘC DIỆN TÍCH ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ NHƯNG BỊ THIẾT HẠI DO CÁC HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC			
I	GIAI ĐOẠN 1			
1	Nâng cấp, cải tạo đường vận chuyển ngoài mỏ	240	m ³	Trước khi tiến hành khai thác
II	GIAI ĐOẠN 2			
1	Duy tu, vá dậm và sửa chữa tuyến đường đất	500	m ³	Trong thời gian khai thác
III	GIAI ĐOẠN 3			
1	Duy tu, vá dậm và sửa chữa tuyến đường đất	100	m ³	Sau khi kết thúc khai thác

Thông kê thiết bị, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Thiết bị, nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
A	Nguyên liệu		
1	Giai đoạn 1		
1.1	Biển báo nguy hiểm	Biển báo	38
1.2	Cây keo lá tràm	<i>cây</i>	1.885
1.3	Cây dầu	<i>cây</i>	754
1.4	Cột mốc ranh mỏ	Mốc	29
1.5	Dây kẽm gai	kg	2.167,7
1.6	Đất san lấp đắp đê bao và nâng cấp đường vận chuyển	m ³	3.027,5
1.7	Bảng thông báo tóm tắt thông tin của dự án	Bảng	1
2	Giai đoạn 2		
2.1	Cây keo lá tràm (trồng dặm)	<i>cây</i>	377
2.2	Cây dầu (trồng dặm)	<i>cây</i>	151
2.3	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	%	10
2.4	Đất san lấp	m ³	500
3	Giai đoạn 3		
3.1	Cống bê tông D600, 4 m/cống	cống	2
3.2	Đất san lấp	m ³	100
B	Thiết bị		

STT	Thiết bị, nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
A	Nguyên liệu		
1	Giai đoạn 1		
1.1	Biển báo nguy hiểm	Biển báo	38
1.2	Cây keo lá tràm	cây	1.885
1.3	Cây dầu	cây	754
1.4	Cột mốc ranh mỏ	Mốc	29
1.5	Dây kẽm gai	kg	2.167,7
1.6	Đất san lấp đắp để bao và nâng cấp đường vận chuyển	m ³	3.027,5
1.7	Bảng thông báo tóm tắt thông tin của dự án	Bảng	1
2	Giai đoạn 2		
2.1	Cây keo lá tràm (trồng dặm)	cây	377
2.2	Cây dầu (trồng dặm)	cây	151
2.3	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	%	10
2.4	Đất san lấp	m ³	500
3	Giai đoạn 3		
1	Máy xúc 1,2m ³ /gàu (chiếc)	chiếc	1
2	Ô tô 15 tấn (chiếc)	chiếc	1
3	Trạm cân	Chiếc	1
4	Camera giám sát	Hệ thống	2

4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: = 793.909.642 đồng (bằng chữ: bảy trăm chín mươi ba triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 5 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 198.477.410 đồng (bằng chữ: một trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm mười đồng). Số tiền ký quỹ hằng năm (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) được tính bằng tổng số tiền ký quỹ trừ đi số tiền ký quỹ lần đầu sau đó chia đều cho các năm còn lại theo thời gian trong Dự án đầu tư hoặc giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo từ lần 2, lần 3, lần 4, lần 5 mỗi lần ký quỹ phải nộp là: 148.858.058 đồng x Chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ (Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho tỉnh Tây Ninh).

+ Thời điểm ký quỹ:

Ký quỹ lần đầu: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ (theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

Việc ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ (theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại liên hệ: 0276.3813664.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) *Phương án giảm thiểu tác động ngập úng moong khai thác*

- Thực hiện đắp bờ ngăn nước mặt xung quanh ranh mỏ để ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ.

- Thiết kế các rãnh thoát nước ở chân tầng khai thác để thu gom nước mưa chảy tràn chảy về hồ thu nước nằm dưới đáy moong.

- Thường xuyên duy trì máy bơm (150 m³/h) để tránh ngập úng moong khai thác trong quá trình khai thác vào mùa mưa.

- Tiến hành nạo vét định kỳ (1 lần/năm vào đầu mùa mưa) hồ thu nước, mương dẫn nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét chủ yếu là đất, đá nên sẽ được vận chuyển về đắp gia cố đắp bờ ngăn nước mặt.

- Thực hiện khai thác theo đúng độ sâu được cấp phép.

b) *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH*

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

c) *Đối với các sự cố do cháy, nổ*

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực.

- Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân làm việc trong moong khai thác.

d) Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động, vệ sinh và an toàn lao động

- Chừa đai an toàn theo đúng thiết kế được duyệt.
- Hệ thống đường vận tải mỏ đảm bảo an toàn, đảm bảo các thông số kỹ thuật theo thiết kế về độ dốc, góc cua, bề rộng nền đường...
- Xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ bờ moong khai thác để ngăn người và gia súc khi lại gần. Cụ thể: đắp bờ ngăn nước mặt, lắp hàng rào kẽm gai, biển báo nguy hiểm và trồng cây xung quanh bờ moong bảo vệ khu khai thác.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện, bảo hộ lao động cho công nhân, nhân viên hoạt động khai thác mỏ (cụ thể như: đồ bảo hộ lao động, nón bảo hiểm, khẩu trang, găng tay).
- Giáo dục cho công nhân phương cách tránh sét khi có mưa giông lớn.

đ) Phòng chống sạt lở, xói lở bờ moong và bảo vệ bờ moong khai thác

- Trong quá trình khai thác:

+ Xung quanh moong khai thác chừa 3m để làm bờ bao và đai bảo vệ. Tại đây, bố trí các công trình bảo vệ bờ moong khai thác như: Lắp đặt hàng rào kẽm gai và biển báo nguy hiểm; đắp bờ ngăn nước mặt; trồng 3 hàng cây.

+ Thường xuyên giám sát góc dốc bờ moong theo thiết kế với tần suất 6 tháng/lần, trong giờ sản xuất cao điểm. Góc dốc bờ moong khai thác của mỏ cũng như các khu mỏ khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh sẽ được khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên. Do đó phải tính toán góc ổn định bờ moong cho tất cả các lớp vật liệu có mặt trong mỏ. Góc dốc bờ moong kết thúc khai thác của mỏ được lựa chọn là 60° , góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ 45° .

+ Trong quá trình khai thác, phải tuân theo các thông số kỹ thuật hệ thống khai thác được phê duyệt.

- Sau khi kết thúc khai thác:

+ Tiến hành duy tu các hạng mục công trình bảo vệ bờ moong khai thác như: hàng rào kẽm gai và biển báo nguy hiểm; đắp bờ ngăn nước mặt; cây trồng xung quanh mỏ.

+ Củng cố bờ moong đảm bảo bờ moong kết thúc khai thác của mỏ được lựa chọn là $39^{\circ} - 60^{\circ}$, góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ 45° .

+ Cải tạo khu vực mỏ sau khi kết thúc khai thác thành hồ chứa nước và lắp đặt công thoát nước để lưu thông giữa hồ chứa nước với hệ thống mương thoát nước của khu vực.

e) Công tác duy tu bờ bao, hàng rào kẽm gai, biển báo.

Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình duy tu bờ bao, hàng rào kẽm gai, biển báo phải tuân thủ các biện pháp an toàn lao động, đúng kỹ thuật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư:

5.1. Giám sát không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác.
 - + 01 điểm trên tuyến đường ngoài mỏ
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, độ rung, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất: 03 tháng/lần (trong thời gian khai thác) và 01 lần (sau khi kết thúc khai thác).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất: thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Chương trình giám sát khác:

Giám sát mực nước tĩnh đảm bảo hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng đến mực nước ngầm xung quanh khu vực của Dự án.

Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác đặc biệt là vào mùa mưa; bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra bờ moong khai thác, thực hiện bơm thoát nước kịp thời; giám sát góc bờ moong.

Thường xuyên giám sát các công trình bảo vệ môi trường như: bờ bao, hàng rào kẽm gai, cây trồng, biển báo nguy hiểm, ... để kịp thời duy tu, sửa chữa theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo quy mô, diện tích bố trí các hạng mục công trình phù hợp, đáp ứng các điều kiện an toàn, môi trường theo quy định hiện hành.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong các giai đoạn chuẩn bị khai thác, khai thác, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này và theo quy định pháp luật.

- Tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.